

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4117 /QĐ-ĐT, ngày 06 tháng 12 năm 2012
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật học
 - + Tiếng Anh: Law
- Mã số ngành đào tạo: 52380101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Luật học (chương trình chất lượng cao)
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Law (Honors Program)
- Đơn vị đào tạo: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân trong lĩnh vực Luật học có chất lượng cao có kiến thức nền tảng vững chắc về khoa học pháp lý, có các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp để có thể nghiên cứu, xây dựng, thi hành pháp luật một cách độc lập, sáng tạo tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia pháp luật.

3. Thông tin tuyển sinh

- Tuyển sinh trong các đợt thi tuyển sinh đại học cấp quốc gia, thí sinh có thể dự thi theo các khối thi tuyển sinh: A, A1, D1, D3, C.

- Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển sinh theo quy định của Bộ GD & ĐT; Sinh viên được tuyển chọn theo Điều 1, khoản b - Quy chế Đào tạo Đại học ở Đại học Quốc

gia Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 3079/QĐ-ĐHQGHN ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Giám đốc ĐHQGHN), cụ thể như sau:

+ *Sinh viên thuộc các diện sau đây sẽ được xét tuyển thẳng vào học chương trình đào tạo chất lượng cao:* Thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế về môn học phù hợp với ngành học; Học sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 về môn học phù hợp với ngành học.

+ *Sinh viên đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học chính quy trong năm vào Đại học Quốc học Hà Nội có cùng khối thi và đáp ứng một trong các điều kiện sau được dự tuyển vào học chương trình đào tạo chất lượng cao:* Đã tốt nghiệp trung học phổ thông chuyên của các trường đại học hoặc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Được xếp loại giỏi 3 năm liền ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12); Đoạt giải nhất, nhì, ba cấp tỉnh, thành phố hoặc tương đương về môn học phù hợp với ngành học; Đạt kết quả cao trong kỳ thi tuyển sinh đại học chính quy trong năm.

+ *Xét tuyển theo điểm các tiêu chí từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, ưu tiên đối với sinh viên có trình độ tiếng Anh tốt.*

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng chủ động, sáng tạo vào nghề nghiệp và cuộc sống hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật.

- Hiểu và vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức nền tảng khoa học xã hội và khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Hiểu và áp dụng một cách sáng tạo các kiến thức cơ bản của nhóm ngành về lý luận-lịch sử nhà nước và pháp luật cũng như một số ngành khoa học xã hội-nhân văn khác vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Áp dụng một cách chủ động, sáng tạo các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý chuyên ngành về luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc.

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể.

- Có kiến thức ngoại ngữ và tin học tốt để giao tiếp thành thạo, đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng nước ngoài và xử lý các vấn đề tin học phục vụ công việc.

- Hiểu ý chính của văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình. Giao tiếp ở mức độ trôi chảy và tự nhiên để có thể giao tiếp thường xuyên với người bản ngữ mà không làm cho bên giao tiếp nào bị căng thẳng. Viết văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

- Nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về thông tin, nguyên lý Von Neumann, mạng truyền thông. Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet ...). Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Hiểu và áp dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ trong các trường hợp cụ thể.

- Vận dụng linh hoạt các kiến thức thực tế, thực tập để bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai và thích ứng nhanh với những thay đổi của môi trường làm việc trong nước và quốc tế.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

- Có khả năng nghiên cứu khoa học và khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực khoa học pháp lý, biết tổ chức nghiên cứu độc lập, sáng tạo; phát hiện và hình thành vấn đề; đánh giá, phân biện, tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu;

- Có khả năng tư duy theo hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề nói chung về các vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật nói riêng, đồng thời có khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của pháp luật chuyên ngành;

- Có các kỹ năng tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới, phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

- Có khả năng tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ việc có liên quan đến pháp luật chuyên ngành một cách độc lập;

- Có kỹ năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.

2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo, có kỹ năng làm việc nhóm, phát triển nhóm; bước đầu hình thành năng lực quản lý và lãnh đạo.

- Có kỹ năng giao tiếp tốt như: kỹ năng thuyết trình dưới dạng nói và dạng văn bản, biết trình bày kết quả nghiên cứu trong các diễn đàn khoa học, viết báo cáo khoa học thuần thực, có kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu, cập nhật kiến thức, đàm phán, tư vấn pháp luật.

- Có kỹ năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động.

- Giao tiếp thành thạo được bằng ít nhất một ngoại ngữ thông dụng.

- Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: soạn thảo tài liệu; quản lý dữ liệu qua các bảng tính; trình chiếu; khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; làm được trang web đơn giản. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Có khả năng phân tích, đánh giá và lập trình quản lý thông qua macro và mô đun đơn giản trong Visual Basic.

3. Về phẩm chất đạo đức

- Có các phẩm chất đạo đức cá nhân: có lòng nhân ái, trung thực, khách quan, tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, nhiệt tình, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, say mê nghiên cứu.

- Có các phẩm chất đạo đức xã hội: ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân; Có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- *Nhóm 1:* Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính-chính trị như các trường đại học, cao đẳng, trung học, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan.

- *Nhóm 2:* Có khả năng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, công an... và các cơ quan nhà nước khác từ trung ương xuống địa phương; làm việc tại các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị-xã hội.

- *Nhóm 3:* Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp.

- *Nhóm 4:* Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	154 tín chỉ
- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:	32 tín chỉ
<i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)</i>	
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	6 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>2 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>4/19 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức chung của khối ngành:	24 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>22 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>2/6 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:	66 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>60 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/10 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:	16 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>12 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>4/12 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	10 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (không tính các môn học từ số 10 đến số 12)	32				
1.	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	21	5	4	
2.	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4.	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5.	INT1004	Tin học cơ sở 2 (*)	3	17	28		
6.		Ngoại ngữ A1 (*)	4	16	40	4	
	FLF1105	Tiếng Anh A1 (*)					
7.	FLF1107	Ngoại ngữ A2 (*)	5	20	50	5	
		Tiếng Anh A2 (*)					FLF1105
8.		Ngoại ngữ B1 (*)	5	20	50	5	
	FLF1107	Tiếng Anh B1 (*)					FLF1106
9.		Ngoại ngữ B2 (***)	5	20	50	5	FLF1107
	FLF1108	Tiếng Anh B2 (***)					
10.		Giáo dục thể chất	4				
11.		Giáo dục quốc phòng – an ninh	7				
12.	CSS1001	Kỹ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	6				
II.1		Bắt buộc	2				
13.	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	6	4	
II.2		Tự chọn	4/19				
14.	PSY1050	Tâm lý học đại cương	2	24	6		
15.	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	
16.	BSA2004	Quản trị học	3	24	18	3	
17.	POL1052	Chính trị học đại cương	3	32	9	4	
18.	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		
19.	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	32	9	4	
20.	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
21.	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
III		Khối kiến thức chung của khối ngành	24				
III.1		Bắt buộc	22				
22.	THL1152	Lý luận về nhà nước và pháp luật (**)	5	54	12	9	
23.	THL1059	Lịch sử nhà nước và pháp luật (**)	4	39	15	6	
24.	CAL2101	Luật hiến pháp (**)	5	60		15	
25.	CAL2102	Luật hành chính (**)	5	54	6	15	CAL2101
26.	THL1153	Luật học so sánh (**)	3	24	15	6	
III.2		Tự chọn	2/6				
27.	CAL1050	Lịch sử các học thuyết chính trị pháp lý	2	24		6	
28.	CIL2001	Luật La Mã	2	26		4	
29.	THL3006	Xã hội học pháp luật	2	14	12	4	
IV		Khối kiến thức chung của nhóm ngành	66				
IV.1		Bắt buộc	60				
30.	CIL2102	Luật dân sự 1 (**)	3	39		6	CAL2101
31.	CIL2012	Luật dân sự 2 (**)	4	52		8	CIL2102
32.	CIL2013	Luật dân sự 3 (**)	4	52		8	CIL2102
33.	CRL1109	Luật hình sự 1 (**)	5	50	10	15	CAL2101
34.	CRL1110	Luật hình sự 2 (**)	4	36	12	12	CRL1109
35.	BSL2052	Luật thương mại 1 (**)	4	48		12	CIL2102
36.	BSL2102	Luật thương mại 2 (**)	4	48		12	CIL2102
37.	BSL1004	Luật tài chính (*)	2	24		6	BSL2052
38.	BSL1105	Luật ngân hàng (**)	3	39		6	BSL2052
39.	BSL1101	Luật đất đai - Môi trường (**)	4	48		12	CAL2102
40.	CIL2004	Luật hôn nhân và gia đình	2	26		4	CIL2013
41.	CRL2103	Luật tố tụng hình sự (**)	4	36	12	12	CRL1109
42.	CIL2105	Luật tố tụng dân sự (**)	4	48		12	CIL2102
43.	BSL2103	Luật lao động (**)	4	48		12	CIL2102
44.	INL2101	Công pháp quốc tế (*)	5	40	20	15	CAL2101
45.	INL2002	Tư pháp quốc tế (**)	4	35	16	9	CIL2105
IV.2		Tự chọn	6/10				
46.	CAL2003	Xây dựng văn bản pháp luật	2	18	6	6	CAL2102

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
47.	BSL2008	Luật cạnh tranh	2	24		6	BSL2102
48.	CRL2010	Luật thi hành án hình sự	2	18	6	6	CRL2103
49.	CIL3003	Luật thi hành án dân sự	2	26		4	CIL2105
50.	INL3003	Luật hàng hải quốc tế	2	16	8	6	INL2101
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ	16				
V.1		Bắt buộc	12				
51.	INL2003	Luật thương mại quốc tế (*)	2	16	8	6	INL 2002
52.	CAL3004	Luật tổ tụng hành chính (*)	2	20	4	6	CAL2102
53.	CIL3002	Pháp luật về sở hữu trí tuệ (*)	2	26		4	CIL2012
54.	BSL2010	Pháp luật về thị trường chứng khoán (*)	2	24		6	BSL2102
55.	CAL3012	Lý luận pháp luật về quyền con người (*)	2	24		6	CAL2102
56.	CRL3002	Tội phạm học (*)	2	18	6	6	CRL2103
V.2		Tự chọn	4/12				
57.	THL2001	Nhà nước và pháp luật các quốc gia thuộc Asean	2	14	12	4	CAL2101
58.	CAL3006	Luật hiến pháp nước ngoài	2	24		6	CAL2101
59.	CRL2011	Hệ thống Tư pháp hình sự	2	16	8	6	CRL2103
60.	BSL2026	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	26		4	BSL2102
61.	CIL2005	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp về dân sự	2	26		4	CIL2012
62.	INL2007	Giải quyết tranh chấp kinh tế-thương mại có yếu tố nước ngoài	2	26		4	CIL2012
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	10				
63.	FOL4001	Niên luận - Thực tập, thực tế	3				
64.	FOL4054	Khóa luận tốt nghiệp	7				
		Tổng cộng	154				

Ghi chú:

(*): Là môn học nâng cao, giữ nguyên số tín chỉ so với chương trình đào tạo chuẩn

(**): Là môn học nâng cao và tăng số tín chỉ so với chương trình đào tạo chuẩn

(***): Là môn học bổ sung mới mà chương trình đào tạo chuẩn chưa có